

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Số: 15/2019/DSST
Ngày 19/11/2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Viết Khai

2. Bà Đỗ Thu Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Dương Tiến Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2019/TLST-DS ngày 20/8/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS, ngày 01 ngày 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q

Trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 2, tòa nhà S, số 111A P, phường B, quận 1, TP. H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Khách hàng cá nhân – Khối Quản trị rủi ro – Ngân hàng TMCP Q

Người nhận ủy quyền: Ông Lý Quốc V – Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (Theo Giấy ủy quyền số 8777319 ngày 24/6/2019).

(Ông V có mặt tại phiên tòa).

- **Bị đơn:** Anh Vũ Văn A, sinh năm 1982 và chị Đặng Thị S, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn S, xã N, huyện T, H

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đặng Văn P, sinh năm 1956 và bà Tạ Thị N, sinh năm 1958, anh Đặng Thành T, sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn S, xã N, huyện T, H

(Chị S, anh A, bà N, ông P, anh T, chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Ngày 13/7/2017, anh Vũ Văn A, chị Đặng Thị S và Ngân hàng TMCP Q đã ký Hợp đồng tín dụng với nội dung cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 5.237.17.027.HĐTD ngày 13/7/2017 thì Ngân hàng TMCP Q cho anh Vũ Văn A, chị Đặng Thị S vay 856.000.000 đồng và được giải ngân theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5.237.17.027.KUNN ngày 21/7/2017; Thời hạn vay: 120 tháng, từ ngày 22/7/2017 đến ngày 21/7/2027; Mục đích vay: Sửa chữa nhà và mua sắm trang thiết bị; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9.09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại theo quy định của Ngân hàng TMCP Q tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng Lãi suất cơ sở + biên độ 4,09%/năm.

Tài sản bảo đảm:

Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh A, chị S, ông P và bà N đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450, tờ bản đồ số 05, diện tích 204 m² ở thôn S, xã N, huyện T, TP. H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH 747748 do UBND huyện T, Thành phố H cấp ngày 30/5/2017, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00501, mang tên ông Đặng Văn P và bà Tạ Thị N. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 13/7/2017 tại Văn phòng công chứng V, Thành phố H. Tài sản bảo đảm được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai H – Chi nhánh T.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số 5.237.17.027.KUNN ngày 21/7/2017, Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho anh anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S tổng số tiền là 856.000.000 đồng *(Tám trăm năm mươi sáu triệu đồng).*

Tuy nhiên, anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S không thực hiện đúng cam kết trong Hợp đồng tín dụng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Tính đến ngày 19/11/2019, anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S đã trả Ngân hàng được 149.079.396 đồng. Trong đó, trả vào gốc 78.494.423 đồng, trả vào lãi trong hạn là 70.270.437 đồng, trả vào lãi quá hạn là 314.536 đồng.

Tính đến ngày đến ngày 19/11/2019, anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là **928.103.156** đồng. Trong đó, nợ gốc là **777.505.577** đồng; nợ lãi trong hạn là **120.804.265** đồng; nợ lãi quá hạn là **29.793.314** đồng.

Do anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nên Ngân hàng TMCP Q đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S phải trả cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ khoản nợ với tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/11/2019 là: **928.103.156** đồng. Trong đó, nợ gốc là **777.505.577** đồng; nợ lãi trong hạn là **120.804.265** đồng; nợ lãi quá hạn là **29.793.314** đồng. Anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Q các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 20/11/2019 cho đến ngày anh A, chị S thanh toán toàn bộ khoản vay.

2. Trường hợp, anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án Dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý, thu hồi nợ, cụ thể là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450, tờ bản đồ số 05, diện tích 204m² tại thôn S, xã N, huyện T, TP. H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 747748, số vào sổ cấp GCN: CH00501 do UBND huyện T, TP. H cấp ngày 30/05/2017, mang tên ông Đặng Văn P và bà Tạ Thị N. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 03623.17, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 13/07/2017 tại Văn phòng công chứng V, Thành phố H và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên anh A và chị S phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, chị Đặng Thị S trình bày: Ngày 13/7/2017, vợ chồng chị có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Q để vay 856.000.000 đồng và vợ chồng anh chị đã nhận giải ngân đủ 856.000.000 đồng. Mục đích vay để chăn nuôi. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong Hợp đồng tín dụng đã ký. Tuy nhiên, đến tháng 7/2018, do chăn nuôi không có hiệu quả nên vợ chồng anh chị không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng nữa.

Chị S xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng số tiền như đơn khởi kiện của Ngân hàng đã trình bày và đồng ý đổi số tiền gốc và lãi. Nay, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh chị phải thanh toán toàn bộ khoản nợ anh chị đồng ý nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị S đề nghị Ngân hàng cho anh chị trả dần 5.000.000 đồng/tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay, anh A, chị S đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450, tờ bản đồ số 05, diện tích 204 m² ở thôn S, xã N, huyện T, TP. H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH 747748 do UBND huyện T, Thành phố H cấp ngày 30/5/2017, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00501, mang tên ông Đặng Văn P và bà Tạ Thị N cho Ngân hàng TMCP Q. Trong trường hợp không trả được nợ cho Ngân hàng, chị S đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Tạ Thị N trình bày: Ngày 13/7/2017, bà Tạ Thị N và ông Đặng Văn P đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450, tờ bản đồ số 05, diện tích 204 m² ở thôn S, xã N, huyện T, TP. H để đảm bảo cho khoản vay của anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S tại Ngân hàng TMCP Q. Trên đất hiện có ông P, bà N, anh T và chị H đang sử dụng. Nay, anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S không có khả năng thanh toán nợ, bà P đề nghị Ngân hàng TMCP Q cho anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S được trả nợ dần, tạo điều kiện để gia đình bà có chỗ ở.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng TMCP Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không đến Tòa, không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho nguyên đơn và tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo quy định của pháp luật, yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S có địa chỉ tại thôn S, xã N, huyện T, H trả số tiền đã vay với tư cách cá nhân nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Văn A, bà Tạ Thị N, ông Đặng Văn P, anh Đặng Thành T và chị Nguyễn Thanh H không đến Tòa án làm việc theo giấy báo của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị S và bà Tạ Thị N đã nhận văn bản thay và cam kết giao văn bản trực tiếp tới các đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

3] Về nội dung vụ án:

3.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 5.237.17.027.HĐTD ngày 13/7/2017 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5.237.17.027.KUNN ngày 21/7/2017 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Q với anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S được ký kết bằng văn bản, trên cơ sở tự nguyện, theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực chủ thể. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ trên là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2] Theo Hợp đồng tín dụng số 5.237.17.027.HĐTD ngày 13/7/2017 và Đơn đề nghị

giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 5.237.17.027.KUNN ngày 21/7/2017: Ngân hàng TMCP Q cho chị Đặng Thị S và anh Vũ Văn A vay 856.000.000 đồng; Thời hạn vay: 120 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Sửa chữa nhà và mua sắm trang thiết bị; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9.09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại theo quy định của Ngân hàng TMCP Q tại thời điểm điều chỉnh và sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng Lãi suất cơ sở + biên độ 4,09%/năm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S đã trả Ngân hàng được 149.079.396 đồng. Trong đó, trả vào gốc 78.494.423 đồng, trả vào lãi trong hạn là 70.270.437 đồng, trả vào lãi quá hạn là 314.536 đồng.

Tính đến ngày đến ngày 19/11/2019, anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là **928.103.156** đồng. Trong đó, nợ gốc là **777.505.577** đồng; nợ lãi trong hạn là **120.804.265** đồng; nợ lãi quá hạn là **29.793.314** đồng.

3.3] Đối với số tiền gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị S xác nhận có vay của Ngân hàng TMCP Q **856.000.000** đồng tiền gốc và xác nhận đã trả được **78.494.423** đồng cho Ngân hàng TMCP Q như Ngân hàng trình bày. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q, buộc anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S phải trả Ngân hàng TMCP Q **777.505.577** đồng tiền gốc đã vay.

3.4] Đối với số tiền lãi: Tính đến hết ngày 19/11/2019, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S phải trả tổng số tiền lãi là **150.597.579** đồng. Trong đó, lãi trong hạn là **120.804.265** đồng; lãi quá hạn là **29.793.314** đồng.

Xét thấy mức lãi suất trong hạn và quá hạn của Ngân hàng TMCP Q đã tính phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và quy định của pháp luật. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị S không thắc mắc gì về lãi suất nên chấp nhận đề nghị của Ngân hàng TMCP Q về khoản tiền lãi.

3.5] Về tài sản bảo đảm cho khoản vay: Để đảm bảo cho khoản vay của anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S, bà Tạ Thị N và ông Đặng Văn P đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450, tờ bản đồ số 05, diện tích 204 m² ở thôn S, xã N, huyện T, TP. H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH 747748 do UBND huyện T, Thành phố H cấp ngày 30/5/2017, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00501, mang tên ông Đặng Văn P và bà Tạ

Thị N. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp lập ngày 06/9/2019 thì tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng như tại thời điểm thế chấp tại Ngân hàng TMCP Q. Trên đất, hiện có bà Tạ Thị N, ông Đặng Văn P, anh Đặng Thành T và chị Nguyễn Thanh H đang ở.

Xét, Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết theo đúng quy định của pháp luật, được đăng ký tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hợp pháp. Do chị Đặng Thị S và anh Vũ Văn A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q nên cần chấp nhận yêu cầu đề nghị giải quyết tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP Q.

4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q được chấp nhận nên chị Đặng Thị S và anh Vũ Văn A phải nộp tiền án phí có giá ngạch để sung Ngân sách Nhà nước. Trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 317, 319, 321, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q. Buộc anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là **928.103.156** đồng (*Chín trăm hai mươi tám triệu, một trăm linh ba nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng*). Trong đó, nợ gốc là **777.505.577** đồng (*Bảy trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm linh lăm nghìn, hai trăm sáu mươi lăm đồng*); nợ lãi trong hạn là **120.804.265** đồng (*Một trăm hai mươi triệu, tám trăm linh tư triệu, hai trăm sáu mươi lăm đồng*); nợ lãi

quá hạn là **29.793.314** đồng (*Hai mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm mười bốn đồng*) (tính đến hết ngày 19/11/2019).

2. Trường hợp anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự tiến hành phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 450, tờ bản đồ số 05, diện tích 204 m² ở thôn S, xã N, huyện T, TP. H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH 747748 do UBND huyện T, Thành phố H cấp ngày 30/5/2017, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00501, mang tên ông Đặng Văn P và bà Tạ Thị N để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

3. Án phí: Buộc anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 39.843.000 đồng (*Ba mươi chín triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Trả lại Ngân hàng TMCP Q 19.150.000 đồng (*Mười chín triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AB/2018/0012023 ngày 20/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày 20/11/2019, anh Vũ Văn A và chị Đặng Thị S tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi đối với số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Trung Hòa

